



# ENGLISH GRAMMAR 2

## INTERMEDIATE LEVEL

Unit 2 – Present simple (I do)

*tienganh*



# Present simple (I do)

## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

**A** Chúng ta sử dụng Thì hiện tại đơn (*simple present*) để diễn tả một việc gì đó:

- **luôn xảy ra, hoặc**

*Nurses **look** after patients in hospitals.*

- **lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc**

*I usually **go** away at weekends*

*The cafe opens at 7.30 in the morning.*

- **luôn luôn đúng**

*The earth goes round the sun.*



Alex is a bus driver, but now he is in bed asleep.  
He is not driving a bus. (He is asleep.)

but He drives a bus. He is a bus driver.

**drive(s), work(s), do(es) etc. is the present simple**

# Present simple (I do)

## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

B

### CẤU TRÚC HÌNH THÀNH

#### 1. Thể khẳng định:

I / we	like	1 <sup>st</sup> person
You	like	2 <sup>nd</sup> person
He / she / it	likes	3 <sup>rd</sup> person – singular
They	like	3 <sup>rd</sup> person – plural

#### 2. Thể phủ định – mượn trợ động từ “to do”

I / we	don't like	= do not
You	don't like	= do not
He / she / it	doesn't like	= does not
They	don't like	= do not

#### 3. Thể nghi vấn - mượn trợ động từ “to do”

Do	we like	1 <sup>st</sup> person
Do	You like	2 <sup>nd</sup> person
Does	He / she / it like	3 <sup>rd</sup> person – singular
Do	they like	3 <sup>rd</sup> person – plural

- EX1: I come from Canada. Where **do** you **come** from?
- EX2: I **don't** go away very often.
- EX3: What **does** this word **mean**? (not What means this word?)
- EX4: Rice **doesn't** **grow** in cold climates.

In the following examples, do is also the main verb (do you do / doesn't do etc.):

- EX5: “What **do** you **do**?” “I work in a shop.”
- EX6: He's always so lazy. He **doesn't** **do** anything to help.

# Present simple (I do)

## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

C

Chúng ta dùng thì hiện tại thường để diễn tả mức độ thường xuyên (tần suất) của một việc gì đó.

### Ví dụ:

- EX7: *I get up at 8 o'clock every morning.*
- EX8: *How often do you go to the dentist?*
- EX9: *Julie doesn't drink tea very often.*
- EX10: *Robert usually goes away two or three times a year.*

## I promise / I apologize

Sometimes we do things by saying something.

For example, when you promise to do something, you can say '**I promise ...**'

when you suggest something, you can say '**I suggest ...**'

- EX9: *I **promise** I won't be late. (not I'm promising)*
- EX10: *'What do you **suggest** I do?'*
- EX11: *'I **suggest** that you ...'*

In the same way we say: **I apologise ... / I advise ... / I insist ... / I agree ... / I refuse ...** etc.

# Present simple (I do)

## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

D

### CẤU TRÚC HÌNH THÀNH

Cách thêm -s hoặc -es vào cuối động từ khi chia động từ ở ngôi thứ ba số ít

1. **Quy tắc chung:** trong phần lớn trường hợp, chúng ta chỉ đơn giản thêm -s vào cuối động từ

*He works as a driver.*

*Sam loves reading books at weekends.*

2. Thêm -es vào các động từ có âm gió ở âm tiết cuối, cụ thể các từ tận cùng bằng -s / -ss / -sh / -ch / -x

match → match**es**

miss → miss**es**

wash → wash**es**

3. Những từ tận cùng bằng phụ âm + y → đổi y thành I rồi thêm es

Try → tri**es**

Hurry → hurri**es**

Apply → appli**es**

4. Trường hợp đặc biệt:

go → go**es**

do → do**es**

# Present simple (I do)

THỰC HÀNH NHANH

I always \_\_\_\_\_ a salad for lunch.

A. am eating

B. eating

C. eats

**D. eat**

# Present simple (I do)

## TÓM TẮT

- ❖ Thì hiện tại đơn (*simple present*) diễn tả một hành động luôn luôn hoặc thường xảy ra một cách thường xuyên, một số việc lặp đi lặp lại, hoặc một sự thật luôn luôn đúng.
- ❖ Thì hiện tại đơn được chia ở dạng động từ nguyên mẫu không to với các ngôi, trừ ngôi thứ ba số ít phải thêm **-s** hoặc **-es** vào cuối động từ.
- ❖ Để lập câu phủ định hoặc nghi vấn ở thì hiện tại đơn, chúng ta mượn trợ động từ **do / does**